

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/DS-ST

Ngày: 13/6/2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triều

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hồ
2. Ông Trần Văn Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yến là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp – Kiểm sát viên.

Từ ngày 12 đến ngày 13 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP KL

Địa chỉ: Phường VTV, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Đình H – Phó phòng kinh doanh Ngân hàng TMCP KL – chi nhánh Bến Tre. Có mặt.

2. Bị đơn: - Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1966

Địa chỉ: Khu phố C, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

- Ông Đào Văn T2, sinh năm 1970

Địa chỉ: Khu phố B, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lưu Thị Huỳnh M, sinh năm 1971

- Ông Phan Minh T3, sinh năm 1979

- Ông Phạm Minh T4, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: Ấp PC, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai, biên bản hòa giải cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP KL là ông Nguyễn Đình H trình bày:

Ngày 06/10/2011, bà T1 và ông T2 có ký hợp đồng tín dụng số TD6410/HĐTD với Ngân hàng TMCP KL chi nhánh Bến Tre, theo đó: Ngân hàng cho bà T1 và ông T2 vay số tiền 700.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh nhà trọ; Thời hạn vay: 36 tháng từ ngày 06/10/2011 đến ngày 06/10/2014; Lãi suất 2%/tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03tháng/lần và được tính bằng lãi suất gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 13 tháng, lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP KL tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng thêm biên độ 0,84%/tháng; lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại đơn vị (cùng loại hình và phương thức vay); Lãi suất quá hạn bằng 50% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn; Hình thức thanh toán: Lãi trả hàng tháng, vốn vay chỉ làm 03 kỳ, năm đầu tiên trả 100.000.000 đồng, năm thứ hai trả 200.000.000 đồng, năm thứ ba trả phần còn lại; Phạt chậm trả lãi bằng 0,1%/ngày.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà T1, ông T2 và bên thứ ba gồm bà M, ông T3 ký hợp đồng thế chấp số TD6410/HĐTC ngày 06/10/2011 với Ngân hàng TMCP KL chi nhánh Bến Tre, theo đó tài sản thế chấp gồm:

Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ738076 do UBND thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre cấp cho hộ bà M ngày 21/5/2004 đối với thửa đất số 151, tờ bản đồ 42, có diện tích 183,2m², tọa lạc tại xã PH, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre.

Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD040024 do UBND thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre cấp cho bà M ngày 29/9/2005 đối với thửa đất số 121, tờ bản đồ 31, có diện tích 1.008m², tọa lạc tại xã PH, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre.

Đến nay đã quá hạn nhưng bà T1 và ông T2 không trả cho Ngân hàng số nợ vay trên nên nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T1 và ông T2 phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ tính đến ngày 11/5/2018 là 2.620.610.837 đồng, gồm nợ gốc là 700.000.000 đồng, tổng nợ lãi là 1.920.610.837 đồng (trong đó: nợ lãi trong hạn là 320.014.722 đồng (theo đơn khởi kiện thì Ngân hàng yêu cầu nợ lãi trong hạn là 323.304.167 đồng nhưng nay Ngân hàng chỉ yêu cầu nợ lãi trong hạn là 320.014.722 đồng), nợ lãi quá hạn là 864.357.500 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 736.238.615 đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 12/6/2018 đến ngày bà T1 và ông T2 thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng. Trường hợp bà T1 và ông T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn ông Đào Văn T2 trình bày:

Ông có vay tiền tại Ngân hàng TMCP KL chi nhánh Bến Tre và có thế chấp tài sản theo đúng như lời trình bày của đại diện Ngân hàng.

Ông thống nhất số nợ Ngân hàng yêu cầu: tổng số nợ tính đến ngày 04/01/2018 là 2.473.589.088 đồng, gồm nợ gốc là 700.000.000 đồng, tổng nợ lãi là 1.773.589.044 đồng (trong đó: nợ lãi trong hạn là 323.304.167 đồng, nợ lãi quá hạn là 777.106.205 đồng, phạt chậm trả lãi là 673.178.672 đồng).

Nay Ngân hàng khởi kiện, ông đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, nếu không trả được nợ cho Ngân hàng thì ông đồng ý giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Bà có vay tiền tại Ngân hàng TMCP KL chi nhánh Bến Tre và có thế chấp tài sản theo đúng như lời trình bày của đại diện Ngân hàng.

Bà thống nhất số nợ Ngân hàng yêu cầu: tổng số nợ tính đến ngày 11/6/2018 là 2.620.610.837 đồng, gồm nợ gốc là 700.000.000 đồng, tổng nợ lãi là 1.920.610.837 đồng (trong đó: nợ lãi trong hạn là 320.014.722 đồng, nợ lãi quá hạn là 864.357.500 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 736.238.615 đồng).

Nay Ngân hàng khởi kiện, bà đồng ý trả cho Ngân hàng nợ gốc là 700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 320.014.722 đồng, nợ lãi quá hạn là 864.357.500 đồng, đối với tiền phạt chậm trả lãi là 736.238.615 đồng thì bà xin Ngân hàng giảm cho bà. Nếu bà không trả được nợ cho Ngân hàng thì bà đồng ý giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã nhiều lần mời bà M, ông T3, ông T4 đến để tiến hành hòa giải nhưng bà M, ông T3, ông T4 vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành hòa giải vắng mặt bà M, ông T3, ông T4.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật: những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn bà T1 tuân thủ đúng quy định, bị đơn ông T2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà M, ông T3, ông T4 không tuân thủ đúng quy định. Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về phần nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về tiền phạt chậm trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà T1 và ông T2 có vay tiền tại Ngân hàng TMCP KL chi nhánh Bến Tre và có ký hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay này. Trong quá trình vay vốn, bà T1 và ông T2 vi phạm hợp đồng. Ngân hàng đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà T1 và ông T2 không trả nợ cho Ngân hàng nên nay Ngân hàng khởi kiện.

Xét quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP KL và bà T1, ông T2 là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã nhiều lần mời bà M, ông T3, ông T4 đến để tiến hành hòa giải và đối chất nhưng bà M, ông T3, ông T4 vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành hòa giải và đối chất vắng mặt bà M, ông T3, ông T4 và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông T2, bà M, ông T3, ông T4 vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T2, bà M, ông T3, ông T4 là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng tín dụng số TD6410/HĐTD ngày 06/10/2011 giữa Ngân hàng TMCP KL chi nhánh Bến Tre và bà T1, ông T2; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số TD6410/HĐTC ngày 06/10/2011 giữa Ngân hàng TMCP KL chi nhánh Bến Tre và bà T1, ông T2, bà M, ông T3 được ký kết trên cơ sở tự nguyện của hai bên, phù hợp quy định pháp luật, hợp đồng thế chấp được công chứng tại Phòng Công chứng số 1 Bến Tre và được đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định nên hai hợp đồng này có hiệu lực pháp luật ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên.

Theo Điều 9 của hợp đồng tín dụng thì bà T1 và ông T2 cam kết hoàn trả vốn vay và lãi tiền vay theo đúng hợp đồng. Tuy nhiên, bà T1 và ông T2 đã không thực hiện đúng cam kết, cụ thể đến nay hợp đồng đã quá hạn nhưng bà T1 và ông T2 không hoàn trả đầy đủ vốn vay và lãi tiền vay cho Ngân hàng. Theo Điều 7 của hợp đồng thế chấp, hai bên thỏa thuận khi bà T1 và ông T2 vi phạm hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Mặc khác, bà T1 và ông T2 thừa nhận ông bà có vay tiền tại Ngân hàng TMCP KL chi nhánh Bến Tre và ký hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay này. Ngân hàng khởi kiện, ông T2 đồng ý trả nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, tiền phạt chậm trả lãi cho Ngân hàng; bà T2 đồng ý trả nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, còn tiền phạt chậm trả lãi thì xin Ngân hàng giảm; nếu không trả được nợ cho Ngân hàng thì ông bà đồng ý giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ. Về phần bà M, ông T3 và ông T4, Tòa án đã nhiều lần mời đến để tiến hành hòa giải, đối chất giải quyết tranh chấp với Ngân hàng nhưng bà M, ông T3, ông T4 vẫn cố tình vắng mặt.

Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T1 và ông T2 trả số nợ gốc là 700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 320.014.722 đồng, nợ lãi quá hạn là 864.357.500 đồng cho Ngân hàng, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có cơ sở nên được chấp nhận.

Riêng đối với tiền phạt chậm trả lãi là 736.238.615 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bên thỏa thuận tiền phạt chậm trả lãi bằng 0,1%/ngày là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự và khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu tính tiền phạt chậm trả lãi là 736.238.615 đồng của Ngân hàng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Từ những phân tích trên có đủ cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP KL, buộc bà T1 và ông T2 có trách nhiệm trả nợ vay cho Ngân hàng với tổng số nợ vay tính đến ngày 11/5/2018 là 1.884.372.222 đồng, gồm tiền gốc là 700.000.000 đồng, tổng tiền lãi là 1.184.372.222 đồng (trong đó: nợ lãi trong hạn là 320.014.722 đồng, nợ lãi quá hạn là 864.357.500 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 12/6/2018 trên số nợ gốc cho đến khi bà T1 và ông T2 trả tất nợ cho Ngân hàng. Nếu bà T1 và ông T2 không trả số tiền trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP KL về việc buộc bà T1 và ông T2 trả tiền phạt chậm trả lãi là 736.238.615 đồng.

Về án phí: Do một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KL được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà T1 và ông T2 phải nộp là 36.000.000 đồng + 3% (1.884.372.222 đồng – 800.000.000 đồng) = 68.531.000 đồng.

Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KL về việc buộc bà T1 và ông T2 trả tiền phạt chậm trả lãi là 736.238.615 đồng nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch Ngân hàng TMCP KL phải nộp là 20.000.000 đồng + 4% (736.238.615 đồng – 400.000.000 đồng) = 33.450.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 317, 320 và Điều 466 Bộ luật dân sự và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ các Điều 306, 317 và Điều 319 Luật thương mại;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ các Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KL. Cụ thể tuyên:

Buộc bà Nguyễn Thị T1 và ông Đào Văn T2 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ là 1.884.372.222 (Một tỷ tám trăm tám mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi hai ngàn hai trăm hai mươi hai) đồng, gồm nợ gốc là 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng, tổng nợ lãi là 1.184.372.222 (Một tỷ một trăm tám mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi hai ngàn hai trăm hai mươi hai) đồng (trong đó: nợ lãi trong hạn là 320.014.722 (Ba trăm hai mươi triệu không trăm mười bốn ngàn bảy trăm hai mươi hai) đồng, nợ lãi quá hạn là 864.357.500 (Tám trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm) đồng) cho Ngân hàng TMCP KL theo hợp đồng tín dụng số TD6410/HĐTD ngày 06/10/2011 giữa Ngân hàng TMCP KL chi nhánh Bến Tre và bà Nguyễn Thị T1 và ông Đào Văn T2.

Bà Nguyễn Thị T1 và ông Đào Văn T2 còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trung số TD6410/HĐTD ngày 06/10/2011 giữa Ngân hàng TMCP KL chi nhánh Bến Tre và bà Nguyễn Thị T1, ông Đào Văn T2 kể từ ngày 12/6/2018 đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng TMCP KL.

Nhưng để đảm bảo quyền lợi cho bên cho vay, trong trường hợp bà Nguyễn Thị T1 và ông Đào Văn T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay thì Ngân hàng TMCP KL được quyền yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số TD6410/HĐTC ngày 06/10/2011 giữa Ngân hàng TMCP KL chi nhánh Bến Tre và bà Nguyễn Thị T1, ông Đào Văn T2, bà Lưu Thị Huỳnh M, ông Phan Minh T3 để thu hồi nợ, cụ thể: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ738076 do UBND thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre cấp cho hộ bà Lưu Thị Huỳnh M ngày 21/5/2004 đối với thửa đất số 151, tờ bản đồ 42, có diện tích 183,2m², tọa lạc tại xã PH, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre và Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD040024 do UBND thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre cấp cho bà Lưu Thị Huỳnh M ngày 29/9/2005 đối với thửa đất số 121, tờ bản đồ 31, có diện tích 1.008m², tọa lạc tại xã PH, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KL về việc buộc bà Nguyễn Thị T1 và ông Đào Văn T2 phải trả số tiền phạt chậm trả lãi là 736.238.615 (Bảy trăm ba mươi sáu triệu hai trăm ba mươi tám ngàn sáu trăm mười lăm) đồng.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Thị T1 và ông Đào Văn T2 phải nộp là 68.531.000 (Sáu mươi tám triệu năm trăm ba mươi một ngàn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch Ngân hàng TMCP KL phải nộp là 33.450.000 (Ba mươi ba triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 38.986.000 (Ba mươi tám triệu chín trăm tám mươi sáu ngàn) đồng theo biên lai số 0011458 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP KL số tiền là 5.536.000 (Năm triệu năm trăm ba mươi sáu ngàn) đồng ntheo biên lai thu tiền nêu trên.

Trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Xuân Triều